NGHỊ ĐỊNH THƯ

kèm theo Hiệp định lãnh sự giữa
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết

Cùng với việc ký kết Hiệp định lãnh sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (dưới đây gọi tắt là " Hiệp định"), Đại diện toàn quyền của hai bên ký kết đã thỏa thuận những điều khoản dưới đây:

1) Việc thông báo cho cán bộ lãnh sự quy định trong khoản 2 điều 35 của Hiệp định, được thực hiện từ 1 đến 3 ngày kể từ khi công dân của nước đại diện bị bắt hoặc giữ dưới hình thức khác phụ thuộc vào điều kiện liên lạc.

2) Quyền của cán bộ lãnh sự được gặp và quan hệ với công dân nước mình quy định trong khoản 3 điều 35 của Hiệp định, được thực hiện sau 2 đến 4 ngày phụ thuộc vào nơi ở của công dân đó, từ khi công dân đó bị bắt hoặc bị giữ dưới hình thức khác.

3) Quyền của cán bộ lãnh sự quy định trong khoản 3 điều 35 của Hiệp định về gặp và quan hệ với công dân nước mình bị bắt hoặc bị giữ dưới hình thức khác hoặc còn trong hạn tù, được thực hiện trên cơ sở định kỳ.

4)Nghị định thư này là một bộ phận không tách rời của Hiệp định.

Để làm bằng, đại diện toàn quyền của hai bên ký kết đã ký và đóng dấu vào Nghị định thư này.

Làm tại Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 1978, lập thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHỦ TỊCH
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam

Hoàng Lương

THAY MẶT ĐOÀN CHỦ TỊCH
Xô Viết tối cao Liên bang Cộng hòa xã
hội chủ nghĩa Xô Viết.

B.N . Saplin

HIỆP ĐỊNH LÃNH SỰ

Giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô-viết

---

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đoàn Chủ tịch Xô-viết tối cao Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết,

Để củng cố và phát triển hơn nữa mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Quyết định ký kết Hiệp định lãnh sự này và với mục đích đó cử Đại diện toàn quyền của mình:

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử HOANG LUONG, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đoàn Chủ tịch Xô-viết tối cao Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết cử
B.N. SA-PLIN, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi trao đổi giấy ủy quyền theo thủ tục và hình thức cần thiết, đã thỏa thuận những điều sau đây:

CHƯƠNG I
Định nghĩa

Điều 1

Theo Hiệp định này, những thành ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1) " Cơ quan lãnh sự" có nghĩa là Tổng lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Phó lãnh sự quán và Đại lý lãnh sự quán.

2) " Khu vực lãnh sự" có nghĩa là khu vực ở nước sở tại, dành cho cơ quan lãnh sự để thực hiện chức năng lãnh sự.

3) " Người đứng đầu cơ quan lãnh sự" có nghĩa là Tổng lãnh sự, lãnh sự, Phó lãnh sự và Đại lý lãnh sự là những người lãnh đạo cơ quan lãnh sự.

4) " Cán bộ lãnh sự" có nghĩa là bất cứ người nào thực hiện chức năng lãnh sự, kể cả người đứng đầu cơ quan lãnh sự và người thực tập lãnh sự.

5) "Nhân viên lãnh sự" có nghĩa là người không phải là cán bộ lãnh sự, thực hiện các nhiệm vụ hành chính, kỹ thuật trong cơ quan lãnh sự. Thành ngữ" nhân viên lãnh sự" bao gồm cả những người lái xe, làm vườn, và làm những nhiệm vụ tương tự phục vụ cho cơ quan lãnh sự.

6) " Tàu thủy" của nước Đại diện có nghĩa là bất cứ tàu thủy nào mang cờ của nước đó.

CHƯƠNG II

THANH LAP CO QUAN LANH SU, BO NHIEM CAN BO LANH SU VA NHAN VIEN LANH SU

Điều 2

1)Cơ quan lãnh sự có thể được thành lập ở nước sở tại chỉ sau khi được sự đồng ý của nước này.

2) Nơi đặt cơ quan lãnh sự, việc xếp hạng và phạm vi khu vực lãnh sự được quy định theo sự thỏa thuận giữa nước đại diện và nước sở tại.

Điều 3

1) Trước khi bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan lãnh sự, nước đại diện bằng đường ngoại giao xin nước sở tại chấp thuận về việc bổ nhiệm đó.

2) Sau khi được chấp thuận, cơ quan đại diện ngoại giao nước đại diện gửi đến Bộ Ngoại giao nước sở tại giấy ủy nhiệm lãnh sự hoặc giấy tờ khác về việc bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan lãnh sự. Trong giấy ủy nhiệm lãnh sự hoặc giấy tờ khác cần ghi rõ họ, tên, quốc tịch, cấp bậc của người đứng đầu cơ quan lãnh sự, khu vực lãnh sự mà người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ thực hiện chức năng của mình và nơi đặt cơ quan lãnh sự.

3) Sau khi xuất trình giấy ủy nhiệm lãnh sự hoặc giấy tờ khác về việc bổ nhiệm, người đứng đầu cơ quan lãnh sự được nước sở tại cấp giấy chấp nhận lãnh sự hoặc giấy phép khác trong thời hạn ngắn và miễn lệ phí.

4) Người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể bắt đầu thực hiện trách nhiệm của mình sau khi nước sở tại cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự này giấy chấp nhận lãnh sự hoặc giấy phép khác.

5) Trong khi chờ đợi cấp giấy chấp nhận lãnh sự hoặc giấy phép khác nước sở tại có thể cho phép người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời thực hiện chức năng của mình.

6) Ngay sau khi chấp nhận, dù là tạm thời, nước sở tại cần phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình.

Điều 4

Nước đại diện thông báo sớm cho Bộ Ngoại giao nước sở tại về họ, tên, quốc tịch, cấp bậc, chức vụ của cán bộ lãnh sự được cử đến công tác ở cơ quan lãnh sự không phải là người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

Điều 5

Cán bộ lãnh sự chỉ có thể là công dân nước đại diện.

Điều 6

Bất cứ lúc nào và không cần phải nói rõ lý do về quyết định của mình, nước sở tại có thể thông báo cho nước đại diện bằng đường ngoại giao là giấy chấp nhận lãnh sự hoặc giấy phép khác của người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ bị thu hồi hoặc cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự được coi là người không được chấp nhận. Trong trường hợp này, nếu cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự đã bắt đầu thực hiện chức năng của mình thì nước đại diện cần phải triệu hồi . Nếu trong một thời hạn hợp lý, nước đại diện không thực hiện trách nhiệm đó thì nước sở tại có thể không thừa nhận người đó là cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự.

Điều 7

Nước sở tại bảo đảm việc bảo vệ cho cán bộ Lãnh sự và áp dụng những biện pháp cần thiết để cán bộ lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình và sử dụng các quyền, quyền ưu đãi, quyền miễn trừ theo Hiệp định này và luật lệ của nước sở tại.

Nước sở tại cần phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ nhà cửa cơ quan lãnh sự và nhà ở của cán bộ lãnh sự.

Điều 8

1) Nếu người đứng đầu cơ quan lãnh sự vì lý do nào đó không thể thực hiện chức năng của mình hoặc nếu chức vụ của người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời không có người đảm nhiệm nước đại diện có thể cử một cán bộ lãnh sự của cơ quan lãnh sự đó hoặc cơ quan lãnh sự khác ở nước sở tại hoặc cử một trong những cán bộ ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao của mình ở nước sở tại tạm thời lãnh đạo cơ quan lãnh sự. Họ , tên của người này phải được thông báo trước cho Bộ Ngoại giao nước sở tại.

2) Người được cử tạm thời lãnh đạo cơ quan lãnh sự có quyền thực hiện những chức năng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự mà mình đã được bổ nhiệm thay thế. Người được cử tạm thời lãnh đạo cơ quan lãnh sự cũng thực hiện những chức năng và được hưởng những quyền, quyền ưu đãi, quyền miễn trừ như người được cử là người đứng đầu cơ quan lãnh sự theo điều 3, Hiệp định này.

3) Việc bổ nhiệm cán bộ ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao của nước đại diện vào cơ quan lãnh sự theo khoản 1 điều này không dụng chạm đến quyền ưu đãi và quyền miễn trừ được dành cho cán bộ này theo quy chế ngoại giao.

Điều 9

Phù hợp với pháp luật của nước sở tại, nước đại diện có thể thuê những khu đất, mua có thời hạn hoặc thuê tòa nhà hoặc những phần tòa nhà dùng làm cơ quan lãnh sự, hoặc nhà ở cho cán bộ lãnh sự và nhân viên lãnh sự nếu họ là công dân của nước đại diện.

Trong trường hợp cần thiết, nước sở tại giúp nước đại diện có những khu đất, tòa nhà hoặc một phần tòa nhà để dùng vào mục đích trên.

Quy định của điều này không miễn cho nước đại diện sự cần thiết phải tôn trọng luật lệ về xây dựng và quy hoạch thành thị, được áp dụng trong khu vực có những phần đất tòa nhà, những phần tòa nhà và những nhà cửa phụ khác.

CHƯƠNG III

QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ LÃNH SỰ

Điều 10

1) Biển tên cơ quan lãnh sự có quốc huy nước đại diện viết bằng tiếng nước đại diện và bằng tiếng nước sở tại có thể được treo ở tòa nhà làm cơ quan lãnh sự.

2) Quốc kỳ của nước đại diện có thể được treo ở trụ sở của cơ quan lãnh sự và ở nhà riêng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

3) Người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể treo cờ nước mình trên các phương tiện giao thông của mình khi được sử dụng vào công việc lãnh sự.

Điều 11

1) Tòa nhà hoặc một phần tòa nhà chỉ sử dụng vào mục đích của cơ quan lãnh sự cũng như khu đất sử dụng cho tòa nhà hoặc một phần tòa nhà là bất khả xâm phạm.

Chính quyền nước sở tại không được vào tòa nhà hoặc một phần tòa nhà chỉ sử dụng vào mục đích của cơ quan lãnh sự hoặc vào khu đất dùng cho tòa nhà hoặc một phần tòa nhà đó nếu không được sự đồng ý của người đứng đầu

cơ quan lãnh sự hoặc của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của nước đại diện, hoặc của người được một trong hai người đứng đầu nói trên ủy nhiệm.

2) Nguyên tắc của khoản 1 điều này cũng được áp dụng đối với nhà ở của cán bộ lãnh sự.

Điều 12

Hồ sơ lãnh sự là bất khả xâm phạm bất cứ thời gian nào và không phụ thuộc vào chỗ để hồ sơ đó. Các giấy tờ riêng không được để chung với hồ sơ lãnh sự.

Điều 13

1) Cơ quan lãnh sự có quyền liên lạc với Chính phủ mình hoặc với cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan lãnh sự khác của nước mình ở nước sở tại. Với mục đích đó, cơ quan lãnh sự có thể sử dụng tất cả mọi phương tiện liên lạc thông thường như mật mã, giao thông viên và va-ly niêm phong (bao, túi...).

Khi cơ quan lãnh sự sử dụng các phương tiện liên lạc thông thường thì giá biểu áp dụng cho cơ quan lãnh sự cũng như đã áp dụng cho cơ quan đại diện ngoại giao.

2) Những công văn, tài liệu của cơ quan lãnh sự được vận chuyển bằng bất cứ phương tiện nào và các va ly niêm phong mang dấu hiệu ở bên ngoài chỉ rõ tính chất chính thức là bất khả xâm phạm và không bị chính quyền nước sở tại kiểm soát hoặc giữ lại.

3) Những quyền, quyền ưu đãi và quyền miễn trừ mà nước sở tại đã giành cho giao thông viên ngoại giao cũng áp dụng đối với giao thông viên lãnh sự.

4) Va ly lãnh sự cũng có thể giao cho người chỉ huy tàu thủy hoặc máy bay, người chỉ huy này được cấp một giấy tờ chính thức có ghi số kiện hợp thành va ly lãnh sự, nhưng người chỉ huy này không được coi là giao thông viên lãnh sự. Cán bộ lãnh sự có thể nhận trực tiếp và không bị cản trở va ly nói trên từ người chỉ huy tàu thủy hoặc máy bay.

Điều 14

1) Cán bộ lãnh sự được quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Cán bộ lãnh sự và gia đình sống cùng với họ, nếu không phải là công dân nước sở tại được miễn trừ xét xử của nước sở tại, trừ những vụ kiện về dân sự:

a) Liên quan đến vấn đề thừa kế, mà trong đó cán bộ lãnh sự hoặc thành viên gia đình của họ tiến hành như là người chấp hành di chúc, người giám hộ di sản thừa kế, người thừa kế hoặc người nhận di sản thừa kế với tư cách cá nhân chứ không phải với danh nghĩa nước đại diện.

b) Xảy ra vì một hợp đồng mà họ trực tiếp hoặc gián tiếp ký kết không đứng trên danh nghĩa nước đại diện.

c) Do một người thứ ba khởi tố về thiệt hại do tai nạn giao thông xảy ra ở nước đại diện.

2) Không một biện pháp thi hành nào áp dụng đối với cán bộ lãnh sự và thành viên gia đình sống cùng với họ, nếu không phải công dân nước sở tại, trừ những trường hợp rơi vào các điểm " a","b","c", khoản 1 điều này, và ngược lại những biện pháp được áp dụng phải trong điều kiện không dụng chạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể và nhà ở của họ.

3)Nhân viên lãnh sự và thành viên gia đình sống cùng với họ, nếu không phải là công dân nước sở tại, được miễn trừ xét xử về hình sự và hành chính của nước sở tại về các hoạt động của mình trong khi thi hành nhiệm vụ chính thức, trừ các vụ kiện dân sự về thiệt hại do tai nạn xe cộ gây ra cho người thứ ba ở nước sở tại.

4) Nước đại diện có thể từ chối quyền miễn trừ đối với cán bộ lãnh sự, nhân viên lãnh sự và thành viên gia đình của họ. Trong tất cả mọi trường hợp việc từ chối đó cần phải được thể hiện rõ.

Việc từ chối quyền miễn trừ xét xử về các việc dân sự và hành chính không có nghĩa là từ chối quyền miễn trừ đối với việc thi hành bản án, việc đó / hỏi phải có sự từ chối đặc biệt.

/đó1/

Điều 15

1) Cán bộ lãnh sự không bắt buộc phải ra làm chứng.

2) Nhân viên lãnh sự, không phải là công dân nước sở tại, theo yêu cầu có thể cung cấp chứng cớ. Tuy nhiên, họ cũng có thể từ chối cung cấp chứng cớ về tình hình liên quan đến hoạt động công vụ. Không được phép áp dụng những biện pháp nhằm cưỡng bức nhân viên lãnh sự cung cấp chứng cớ hoặc phải đến tòa án để làm chứng, cũng như buộc họ có trách nhiệm trong trường hợp họ không cung cấp chứng cớ hoặc không đến tòa án.

3) Trong trường hợp nhân viên lãnh sự đồng ý cung cấp chứng cớ thì cần áp dụng những biện pháp hợp lý để không làm trở ngại đến công tác của cơ quan lãnh sự.

Trong trường hợp có thể được thì những chứng cớ viết hoặc bằng lời khai có thể cung cấp tại cơ quan lãnh sự hoặc tại nhà ở của nhân viên lãnh sự.

4) Nhân viên lãnh sự có thể từ chối việc cung cấp chứng cớ về tình hình có liên quan đến hoạt động công vụ nếu những nguyên tắc của khoản 2 điều này không áp dụng đối với nhân viên lãnh sự này.

5)Những nguyên tắc của điều này cũng liên quan đến thủ tục tố tụng tư pháp cũng như thủ tục tố tụng hành chính.

6) Những nguyên tắc của các khoản, 1, 2, 4 và 5 của điều này cũng áp dụng đối với thành viên gia đình của cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự nếu những thành viên gia đình đó sống cùng với họ và không phải là công dân nước sở tại.

Điều 16

1) Cán bộ lãnh sự không phải phục vụ trong các lực lượng vũ trang và không chịu mọi nghĩa vụ cưỡng bức khác ở nước sở tại.

2) Những nguyên tắc của khoản 1 điều này cũng áp dụng đối với cả nhân viên lãnh sự, thành viên gia đình của cán bộ lãnh sự và nhân viên lãnh sự sống cùng với họ với điều kiện là các đương sự không phải là công dân nước sở tại.

Điều 17

Cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự cũng như thành viên gia đình sống cùng với họ không phải thực hiện những đòi hỏi mà pháp luật và thể lệ nước sở tại quy định về việc đăng ký, nhận giấy phép cư trú và những đòi hỏi tương tự mà người nước ngoài phải xuất trình.

Điều 18

1) Nước đại diện được miễn đóng bất cứ thứ thuế nào cũng như các khoản thu khác đối với:

Khu đất, tòa nhà hoặc một phần tòa nhà chỉ dùng cho mục đích lãnh sự, kể cả nhà ở của cán bộ lãnh sự và nhân viên cơ quan lãnh sự nếu như tài sản đó thuộc quyền sở hữu hoặc do nước đại diện thuê, hoặc tài sản của tư nhân hoặc pháp nhân nào đó của nước đại diện này; những hợp đồng hoặc các giấy tờ liên quan về việc có những bất động sản nếu như nước đại diện mua hoặc thuê tài sản đó chỉ dùng vào mục đích lãnh sự.

2) Những nguyên tắc của khoản 1 điều này không liên quan đến việc phải trả những chi phí phục vụ cụ thể.

Điều 19

Nước sở tại không bắt nộp và không thu bất cứ loại thuế gì cũng như các khoản thu tương tự khác đối với động sản sử dụng vào mục đích lãnh sự mà động sản này thuộc quyền sở hữu hoặc thuộc quyền quản lý, quyền sử dụng của nước đại diện (cũng như do việc có động sản đó) mà trong những trường hợp khác, trên cơ sở pháp luật đáng lẽ ra phải trả các thứ thuế và các khoản thu nói trên.

Điều 20

Cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự không phải là công dân nước sở tại được miễn tất cả mọi thứ thuế và mọi khoản thu khác mà nước sở tại tính vào tiền lương thu nhập do thực hiện công vụ của họ.

Điều 21

Cán bộ lãnh sự hoặc nhân viên lãnh sự và thành viên gia đình sống cùng với họ mà không phải là công dân nước sở tại được miễn tất cả mọi thứ thuế và các khoản thu khác như thuế nhà nước, khu vực, địa phương. Những người nói trên cũng được miễn các thứ thuế và các khoản thu đối với động sản của họ.

Điều 22

1) Theo quy định của luật lệ hiện hành của nước sở tại, nước đại diện được phép nhập khẩu và miễn các thứ thuế quan, lệ phí (trừ tiền cước kho, cước vận chuyển và cước thu về công việc phục vụ tương tự) đối với:

a) Những vật phẩm kể cả ô tô dùng vào việc công của cơ quan lãnh sự.

b) Những vật phẩm dùng cho cá nhân cán bộ lãnh sự và các thành viên gia đình sống cùng với họ.

2) Nhân viên lãnh sự nếu là công dân nước đại diện được miễn thuế nói ở điểm b khoản 1 điều này về những vật phẩm nhập khẩu dành cho lần mua sắm đầu tiên lúc họ mới đến công tác.

3) Công dân nước đại diện thường trú ở nước sở tại là nhân viên lãnh sự không được hưởng quyền ưu đãi nói ở điểm b khoản 1 và khoản 2 điều này.

Điều 23

Tất cả những người được hưởng những quyền ưu đãi và miễn trừ theo Hiệp định có trách nhiệm phải tôn trọng pháp luật và thể lệ của nước sở tại kể cả pháp luật và thể lệ giao thông và bảo hiểm xe cộ, nhưng không vì thế mà làm tổn hại đến những quyền ưu đãi và miễn trừ của họ.

Điều 24

Cán bộ lãnh sự được phép tự do đi lại trong phạm vi khu vực lãnh sự để thực hiện chức năng của mình trừ những khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại vì lý do an ninh theo pháp luật và thể lệ nước sở tại.

CHƯƠNG IV

CHỨC NĂNG LÃNH SỰ

Điều 25

1) Cán bộ lãnh sự có quyền thực hiện chức năng lãnh sự trong phạm vi khu vực lãnh sự, được quy định trong chương này. Ngoài ra, cán bộ lãnh sự có thể thực hiện những chức năng lãnh sự chính thức khác nếu việc thực hiện đó không trái với pháp luật nước sở tại.

Cán bộ lãnh sự có thể thi hành chức năng của mình ngoài khu vực lãnh sự chỉ sau khi được sự đồng ý của chính quyền nước sở tại.

2) Để thực hiện chức năng của mình, cán bộ lãnh sự có thể tiếp xúc trực tiếp hoặc bằng thư từ với các nhà chức trách có thẩm quyền của khu vực lãnh sự.

Điều 26

Trong phạm vi khu vực lãnh sự, cán bộ lãnh sự có quyền:

1) Bảo vệ quyền lợi của nước đại diện, của công dân và pháp nhân nước mình.

2) Góp phần thúc đẩy việc thực hiện những quan hệ thương mại, kinh tế, văn hóa, khoa học, thể thao và du lịch, giữa nước đại diện và nước sở tại.

Điều 27

1) Trong phạm vi khu vực lãnh sự, cán bộ lãnh sự có quyền:

a) Tiếp nhận mọi đơn từ cần thiết theo pháp luật nước đại diện về vấn đề quốc tịch.

b) Tiến hành thống kê công dân nước đại diện.

c) Cấp, gia hạn, thu hồi hộ chiếu, thị thực xuất, nhập qúa cảnh và các giấy tờ tương tự khác cũng như sửa đổi các giấy tờ đó.

d) Đăng ký và nhận việc thông báo về sinh, tử của công dân nước đại diện.

e) Thực hiện việc kết hôn và giải quyết việc ly hôn với điều kiện là hai người đó là công dân nước đại diện.

g) Tiếp nhận những đơn từ có liên quan đến quan hệ gia đình của công dân nước đại diện theo quy định của pháp luật nước đại diện.

h) Hợp pháp hóa tài liệu .

2) Cán bộ lãnh sự thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước sở tại về đăng ký hộ tịch được tiến hành trong cơ quan lãnh sự phù hợp với các điểm "d","e" của khoản 1 điều này, nếu pháp luật địa phương đòi hỏi.

Điều 28

1) Trong phạm vi khu vực lãnh sự, cán bộ lãnh sự có quyền thực hiện công chứng theo pháp luật nước đại diện:

a) Theo yêu cầu của người có bất cứ quốc tịch nào để sử dụng tại nước đại diện.

b) Theo yêu cầu của công dân nước đại diện để sử dụng ở nước ngoài.

2) Cán bộ lãnh sự có quyền dịch các tài liệu và chứng nhận bản dịch chính thức.

Điều 29

Theo điều 28 Hiệp định này, những tài liệu do cán bộ lãnh sự lập ra, chứng nhận hoặc dịch được coi như những tài liệu cũng có ý nghĩa pháp lý và hiệu lực chứng cứ ở nước sở tại, như những tài liệu do những cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại lập ra, dịch hoặc chứng nhận.

Điều 30

1) Cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thông báo cho cán bộ lãnh sự về việc chết của công dân nước đại diện và thông báo về tài sản thừa kế, và người thừa kế và cả về lời di chúc.

2) Cơ quan có thẩm quyền thông báo cho cán bộ lãnh sự về công việc mở thừa kế ở nước sở tại nếu những người thừa kế là công dân nước đại diện.

Về việc này cũng liên quan đến những trường hợp khi mà cơ quan có thẩm quyền biết được việc mở thừa kế có lợi cho công dân nước đại diện ở nước thứ ba.

Điều 31

Cán bộ lãnh sự có thể tự mình hoặc ủy nhiệm cho người đại diện thực hiện những quyền sau đây về vấn đề di sản của công dân nước mình:

1) Tham gia việc kiểm kê di sản và ký vào biên bản kiểm kê.

2) Tiếp xúc với các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để có biện pháp bảo đảm cho di sản khỏi bị thiệt hại và hư hỏng.

Điều 32

1) Động sản của công dân Bên ký kết này chết để lại trên lãnh thổ Bên ký kết kia được giao cho cán bộ lãnh sự của nước có công dân đã chết để giải quyết theo pháp luật nước đại diện.

2) Nếu sau khi đã làm xong mọi thủ tục về thừa kế ở nước sở tại, động sản thừa kế hoặc tiến bán động sản hoặc bất động sản phải trao cho người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc, hoặc trao cho người nhận di sản do người thừa kế chuyển là công dân của nước đại diện không cư trú ở nước sở tại và không ủy nhiệm người đại diện, thì những tài sản nói trên hoặc tiền bán được sẽ giao cho cán bộ lãnh sự nước đại diện, với điều kiện:

a) Mọi khoản nợ thừa kế mà pháp luật nước sở tại quy định trong một thời hạn đã thanh toán hoặc bảo đảm;

b) Các khoản thuế thừa kế đã thanh toán hoặc bảo đảm

c) Cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại khi cần thiết cho phép giao di sản hoặc tiền bán những di sản đó.

3) Đối với bất động sản thì áp dụng theo pháp luật của nước mà bất động sản có ở nước đó.

Điều 33

1) Cán bộ lãnh sự có thẩm quyền chỉ định người giám hộ và người đỡ đầu cho công dân nước đại diện. Cán bộ lãnh sự có quyền giám sát những hành động của người giám hộ và người đỡ đầu này.

2) Trường hợp tài sản của công dân nước đại diện không có người trông nom thì cán bộ lãnh sự có thể cử người quản lý tài sản đó.

Điều 34

Trong phạm vi khu vực lãnh sự, cán bộ lãnh sự có quyền đại diện cho công dân nước mình trước chính quyền nước sở tại, nếu công dân đó vì vắng mặt hay vì lý do chính đáng khác không thể kịp thời tự bảo vệ quyền lợi của mình. Việc đại diện đó tiếp tục cho đến khi mà người được đại diện chỉ định người đại diện cho mình hoặc tự bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 35

1)

a) Trong phạm vi khu vực lãnh sự của mình, cán bộ lãnh sự có quyền gặp và quan hệ với bất cứ công dân nào của nước mình, có quyền góp ý kiến và giúp đỡ họ, kể cả áp dụng mọi biện pháp để giúp đỡ họ về mặt pháp lý trong trường hợp cần thiết.

b) Nước sở tại không được hạn chế bằng mọi cách công dân của nước đại diện quan hệ với cơ quan lãnh sự và cho phép họ vào cơ quan lãnh sự.

2) Cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thông báo ngay cho cán bộ lãnh sự biết về việc bắt hoặc giữ dưới bất cứ hình thức nào công dân nước đại diện.

3) Cán bộ lãnh sự có quyền đến thăm ngay và liên hệ với công dân nước mình đang bị bắt, giữ dưới bất cứ hình thức nào hoặc còn trong hạn tù. Các quyền được nói trong khoản này được thực hiện phù hợp với pháp luật và thể lệ của nước sở tại với điều kiện là pháp luật và thể lệ nước sở tại không hủy bỏ các quyền đó.

Điều 36

1) Cán bộ lãnh sự có quyền giúp đỡ về mọi mặt tàu thủy của nước đại diện trong các cảng, lãnh hải hoặc nội thủy nước sở tại thuộc khu vực lãnh sự.

2) Cán bộ lãnh sự có thể lên tàu sau khi tàu đó đã được phép tự do quan hệ với đất liền, thuyền trưởng và các thành viên của tổ công tác trên tàu có thể được quan hệ với cán bộ lãnh sự.

3) Cán bộ lãnh sự có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền nước sở tại giúp đỡ về bất cứ vấn đề nào liên quan đến việc thực hiện chức năng của mình đối với tàu thủy của nước đại diện, đối với thuyền trưởng và các thành viên của tổ công tác trên tàu đó.

Điều 37

Trong phạm vi khu vực lãnh sự, cán bộ lãnh sự có quyền:

1) Điều tra mọi sự cố xảy ra trên tàu thủy của nước mình trong cuộc hành trình, thẩm vấn thuyền trưởng và bất cứ thành viên của tổ công tác nào trên tàu nước mình, kiểm tra các tài liệu về tàu, chấp nhận những đơn từ về hành trình của tàu và nơi dừng lại và giúp đỡ việc vào, ra lưu lại của tàu ở cảng, mà không làm phương hại đến các quyền của chính quyền nước sở tại.

2) Giải quyết mọi tranh chấp giữa thuyền trưởng với thành viên của tổ công tác nào trên tàu, kể cả những sự tranh chấp liên quan đến tiền lương, đến hợp đồng thuê mướn, nếu như việc đó được pháp luật nước đại diện quy định, mà không làm phương hại đến các quyền của chính quyền nước sở tại.

3) Thi hành những biện pháp đưa thuyền trưởng hoặc bất cứ một thành viên nào của tổ công tác trên tàu vào điều trị ở bệnh viện hoặc đưa về nước.

4) Nhận, lập hoặc chứng nhận bất cứ bản khai nào hoặc tài liệu khác mà pháp luật nước đại diện đã quy định đối với tàu.

Điều 38

1) Trong trường hợp, nếu tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của nước sở tại dự định tiến hành những hành động cưỡng chế nào đó hoặc điều tra chính thức trên tàu của nước đại diện thì cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thông báo về việc đó cho cán bộ lãnh sự. Việc thông báo như vậy được báo trước khi bắt đầu những hành động nói trên để cán bộ lãnh sự hoặc người đại diện của cán bộ lãnh sự có thể có mặt trong khi thực hiện những hành động nói trên. Nếu cán bộ lãnh sự hoặc người đại diện của cán bộ lãnh sự không có mặt, thì theo yêu cầu của cán bộ lãnh sự đó, cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thông báo đầy đủ cho cán bộ lãnh sự những việc mà họ đã tiến hành.

2) Những nguyên tắc của khoản 1 điều này được áp dụng kể cả trường hợp nếu nhà chức trách của cảng thẩm vấn thuyền trưởng hoặc thành viên tổ công tác trên bờ.

3) Song, những nguyên tắc của điều này không áp dụng đối với việc kiểm tra bình thường về thuế quan, hộ chiếu và kiểm dịch cũng như đối với bất cứ mọi hành động nào được áp dụng theo yêu cầu hoặc được sự đồng ý của thuyền trưởng.

Điều 39

1)Nếu tàu thủy của nước đại diện bị đắm, bị mắc cạn hoặc đạt vào bờ hoặc gặp phải bất cứ tai nạn nào khác ở nước sở tại hoặc nếu như bất cứ một vật dụng nào đó là một bộ phận hàng hóa của tàu của nước thứ ba bị tai nạn mà lại thuộc quyền sở hữu của công dân nước đại diện tìm thấy trên bờ hoặc gần gờ nước sở tại hoặc chở đến cảng của nước sở tại thì cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thông báo cho cán bộ lãnh sự càng sớm càng tốt. Cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cũng thông báo cho cán bộ lãnh sự những biện pháp được áp dụng để cứu người, tàu, hàng hóa, những tài sản khác trên tàu và những vật dụng thuộc về tàu hoặc là bộ phận hàng hóa bị tách rời khỏi tàu.

2) Cán bộ lãnh sự có thể giúp đỡ bằng mọi cách cho tàu hành khách và các thành viên tổ công tác trên tàu nói trên. Với mục đích đó, cán bộ lãnh sự cũng có thể yêu cầu sự giúp đỡ của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại.

Cán bộ lãnh sự có thể tiến hành những biện pháp nói trong khoản 1 điều này, cũng như tiến hành những biện pháp về sửa chữa tàu hoặc có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành hoặc tiếp tục tiến hành những biện pháp nói trên.

3)

a) Nếu tàu bị tai nạn hoặc bất cứ một vật dụng gì thuộc tàu này tìm thấy trên bờ hoặc gần bờ nước sở tại hoặc được chở đến cảng nước này mà thuyền trưởng của tàu này, người chủ tàu, người đại lý của chủ tàu, người bảo hiểm thích ứng không thể áp dụng những biện pháp để bảo vệ hoặc định đoạt đối với tàu đó và vật dụng nói trên, thì cán bộ lãnh sự được coi là người được ủy quyền thay mặt người chủ tàu tiến hành những biện pháp mà người chủ tàu có thể tự tiến hành với mục đích trên.

b) Những nguyên tắc của điểm "a" khoản này được áp dụng đối với bất cứ vật dụng nào là một bộ phận hàng hóa của tàu mà vật dụng đó là thuộc quyền sở hữu của công dân nước đại diện.

4) Nếu như bất cứ một vật dụng nào đó là một bộ phận hàng hóa của tàu bị tai nạn thuộc nước thứ ba lại thuộc quyền sở hữu của công dân nước đại diện được tìm thấy trên bờ hoặc gần bờ của nước sở tại hoặc chở đến cảng nước này mà thuyền trưởng của tàu, người chủ của vật dụng đó, người đại lý của người chủ đó, người bảo hiểm thích ứng không thể áp dụng những biện pháp để bảo vệ hoặc để định đoạt vật dụng nói trên thì cán bộ lãnh sự được coi là người được ủy quyền thay mặt người sở hữu tiến hành những biện pháp để bảo vệ hoặc định đoạt đối với vật dụng nói trên, mà người chủ có thể tự tiến hành với mục đích trên.

Điều 40

Các điều 36 đến 39 cũng áp dụng với cả máy bay.

Điều 41

1) Quyền và chức năng của cán bộ lãnh sự quy định trong hiệp định này được áp dụng đối với những cán bộ ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao của nước đại diện ở nước sở tại mà họ được ủy nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự.

2) Việc thực hiện chức năng lãnh sự của những người nói trong khoản 1 điều này không áp dụng chạm đến quyền ưu đãi và quyền miễn trừ mà họ được hưởng theo quy chế ngoại giao.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 42

1) Hiệp định này phải được phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày thứ 30 sau khi trao đổi thư phê chuẩn . Việc trao đổi thư phê chuẩn sẽ tiến hành tại Mát-xcơ-va càng sớm càng tốt.

2) Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi mà một trong hai bên ký kết thông báo cho bên ký kết kia ý định của mình chấm dứt Hiệp định, thì sau 6 tháng kể từ ngày thông báo, Hiệp định sẽ hết hiệu lực.

3) Hiệp định lãnh sự giữa nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ký ngày 5 tháng 6 năm 1959 hết hiệu lực từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

Để làm bằng, đại diện toàn quyền của hai bên ký đã ký và đóng dấu vào Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 1978, lập thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHỦ TỊCH
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

THAY MẶT ĐOÀN CHỦ TỊCH
Xô Viết tối cao Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.